

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-PT

Ngày: 28 -3-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đ: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2023/TLPT- DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1973; trú tại: Xóm 6, thôn 7, xã C, huyện L, tỉnh Đ. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tường H, sinh năm 1976; trú tại: 16 Làng củ, thôn 2, xã T, huyện L, tỉnh Đ. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1978; trú tại: 16 Làng củ, thôn 2, xã Tân Thượng, huyện L, tỉnh Đ. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Tường H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2022 và các tài liệu chứng cứ, nguyên đơn ông Hoàng Văn B trình bày:

Ngày 10/8/2013, ông Hoàng Văn B cho ông Nguyễn Tường H vay số tiền 18.000.000đ, khi vay có viết “giấy mượn tiền” thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả ngày 01/12/2013.

Ngày 15/8/2013, ông B tiếp tục cho ông H vay số tiền 43.000.000đ, khi vay có viết “giấy mượn tiền”, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả ngày 01/01/2014.

Đến khoảng tháng 11 năm 2013 ông B cho ông Nguyễn Tường H vay 01 tấn cà phê nhân, có viết “giấy mượn cà phê”, thời hạn trả ngày 01/01/2014.

Đến hạn trả nợ, ông H không thanh toán tiền gốc, tiền lãi và số cà phê đã vay cho ông B theo thỏa thuận. Vì vậy ông B yêu cầu ông H trả số tiền 61.000.000đồng đã vay, tiền lãi tính từ ngày 15/8/2013 đến ngày 15/10/2022: $61.000.000đ \times 110\text{tháng} \times 0.83\% = 55.693.000đ$ và 1.000kg cà phê, theo giá ngày 10/01/2023 là 39.400.000đ. Tổng cộng là 156.693.000đ.

Bị đơn ông Nguyễn Tường H trình bày: ông thừa nhận có vay của ông Hoàng Văn B số tiền 43.000.000đ và 1.000kg cà phê. Đối với số tiền 18.000.000đ thì đã được nhập vào số tiền 43.000.000đ chứ không phải như ông B trình bày. Khi vay có viết “giấy mượn tiền”, chữ ký và họ tên “Nguyễn Tường H” dưới mục “Người mượn” là do ông viết và ký.

Nay ông B yêu cầu trả số tiền nợ gốc 61.000.000đ, tiền lãi 55.693.000đ và 1.000kg cà phê với giá 39.400.000đ. Tổng cộng là 156.693.000đ thì ông không đồng ý, chỉ đồng ý trả số tiền 43.000.000đ và 1.000kg cà phê là 39.400.000đ. Tổng cộng là 82.400.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Tình trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tường H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, việc vay mượn tiền, cà phê giữa ông B với ông H thì bà không biết, bà xác định đây là nợ riêng của ông H. Ngoài ra, bà không có ý kiến gì khác.

Tòa án tiến hành hòa giải nh không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn B. Buộc bị

đơn ông Nguyễn Tường H có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn B số tiền vay là 61.000.000đ và 1.000kg cà phê nhân thành tiền là 39.400.000đ. Tổng cộng là 100.400.000 đồng (*Một trăm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2023, ông Nguyễn Tường H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn ông Nguyễn Tường H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Nguyên đơn ông Hoàng Văn B không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi với số tiền 56.693.000đ nH cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu này là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tường H trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc nguyên đơn ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tường H trả số tiền 156.693.000đ; trong đó nợ gốc là 61.000.000đ, tiền lãi là 56.693.000đ và 1.000kg cà phê với giá 39.400.000đ; còn bị đơn ông Nguyễn Tường H chỉ đồng ý trả 82.400.000đ (*trong đó 43.000.000đ tiền vay và 1.000kg cà phê với giá 39.400.000đ*) nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tường H thấy rằng:

[2.1] Theo “giấy mượn tiền” ngày 10/8/2013 giữa bên cho vay ông Hoàng Văn B và bên vay ông Nguyễn Tường H, theo đó ông B cho ông H vay số tiền 18.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 01/12/2013. Theo “giấy mượn tiền” ngày 15/8/2013 giữa bên cho vay ông Hoàng Văn B và bên

vay ông Nguyễn Tường H, theo đó ông B cho ông H vay số tiền 43.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay đến ngày 01/01/2014 và theo “giấy mượn cà phê” (*không ghi ngày tháng năm*) giữa bên cho vay ông Hoàng Văn B và bên vay ông Nguyễn Tường H, theo đó ông B cho ông H vay 1.000kg cà phê, thời hạn trả đến ngày 01/01/2014.

Ông B cho rằng từ khi vay tiền, cà phê cho đến nay ông H không trả tiền như đã cam kết. Bị đơn ông H thừa nhận có vay của ông B số tiền 43.000.000đ và 1.000kg cà phê, đồng thời thống nhất giá cà phê là 39.400.000đ; chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Tường H trên các “giấy mượn tiền” là đúng chữ viết và chữ ký của ông. Đối với số tiền 18.000.000đ ông H cho rằng đã được nhập vào số tiền 43.000.000đ theo “giấy mượn tiền” ngày 15/8/2013 nên không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông B không thừa nhận, nội dung trên giấy mượn tiền ngày 15/8/2013 không thể hiện số tiền 18.000.000đ được cộng dồn thành 43.000.000đ như ông H trình bày và không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông H đã trả số tiền 18.000.000đ cho ông B.

Từ những tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nêu trên, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B và buộc ông H có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 61.000.000đ và 39.400.000đ (giá 1.000kg cà phê) là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn B yêu cầu ông Nguyễn Tường H phải trả tiền lãi tính từ ngày 15/8/2013 đến ngày 15/10/2022 trên số tiền nợ gốc, cụ thể: $61.000.000đ \times 110 \text{ tháng} \times 0.83\% = 55.693.000đ$. Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn ông B đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất và chỉ yêu cầu ông H trả tiền nợ gốc. Toà án cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này là thiếu sót. Do đó, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 55.693.000đ mới phù hợp.

[2.3] Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tường H, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

[3] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Tường H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Tường H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể: $104.400.000đ \times 5\% = 5.020.000đ$ (*Năm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*)

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tường H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn B về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn ông Nguyễn Tường H.

Buộc ông Nguyễn Tường H trả cho ông Hoàng Văn B số tiền: 61.000.000đ và 1.000kg cà phê nhân thành tiền là 39.400.000đ. Tổng cộng là 100.400.000đ (*Một trăm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn B đối với số tiền lãi: 56.693.000đ (*năm mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn đồng*).

3. Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Tường H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà ông Nguyễn Tường H đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007070 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông Nguyễn Tường H đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm và đã thi hành xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Tường H phải chịu 5.020.00đ (*Năm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Hoàng Văn B số tiền tạm ứng án phí 3.917.000đ (*Ba triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006917 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đ;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự; (05)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh Huỳnh Châu Thạch

Nguyễn Thành Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Mạnh Hùng Lê Thị Vân

Nguyễn Thành Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Nhân Huỳnh Châu Thạch

Đỗ Mạnh Hùng

